TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/KDTM-ST
Ngày 28/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Ngọc.

2. Ông Từ Văn Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 1 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2022/QĐXX-ST ngày 19/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 406/2022/QĐST-KDTM ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại TD. Trụ sở: A8/16 Mai Bá Hương, ấp 1, xã X, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Mỹ D, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G sinh năm 1984. Địa chỉ liên lạc: 80/1 Nguyễn Trãi, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 22/UQ.2021 ngày 22 tháng 12 năm 2021). (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Thiết bị nước G.

Trụ sở: 702/111 LVL, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Phương N, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2021 các biên bản tự khai, biên bản việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD ủy quyền cho bà G trình bày:

Ngày 27/7/2018 Công ty TNHH MTV Thương mại TD và Công ty Cổ phần Thiết bị nước G đã ký kết hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 về việc mua bán ống và phụ kiện nước HDPE PN16 và uPVC và keo nhãn hiệu Đệ Nhất, đơn giá phù thuộc vào từng thời điểm, chủng loại số lượng và thời điểm giao hàng được thực hiện theo từng đơn hàng tại công trình ALMA RESORT bãi dài Cam Ranh, Khánh Hòa. Trong khoảng thời gian thực hiện Hợp đồng từ ngày 30/07/2018 đến ngày 12/11/2018 Công ty Cổ phần Thiết bị nước G đã đặt 9 (chín) đợt hàng với giá trị là: 1.081.847.413 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm mười ba đồng). Công ty TNHH MTV Thương mại TD đã giao đầy đủ hàng hóa, phiếu giao hàng và hóa đơn tài chính cho Công ty Cổ phần Thiết bị nước G.

Tuy nhiên tính đến ngày 20/12/2019, Công ty Cổ phần Thiết bị nước G mới thanh toán cho Công ty TNHH MTV Thương mại TD được số tiền là: 306.696.381 đồng *(Ba trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm tám mươi mốt đồng),* còn lại số tiền: 775.151.032 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm năm mươi mốt ngàn, không trăm ba mươi hai đồng) Công ty Cổ phần Thiết bị nước G vẫn chưa thanh toán, theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 20/12/2019 phía Công ty Cổ phần Thiết bị nước G đóng dấu xác nhận công nợ.

Ngày 07/06/2021 Công ty TNHH MTV Thương mại TD đã gửi Thông báo đề nghị thanh toán nợ quá hạn, yêu cầu Công ty Cổ phần Thiết bị nước G trong vòng thời hạn 15 ngày kể từ ngày 10/06/2021 đến ngày 25/06/2021 phải thanh toán toàn bộ số tiền 775.151.032 đồng. Tuy nhiên cho đến nay Công ty TNHH MTV Thương mại TD chưa nhận được số tiền nợ.

Tại phiên tòa bà G đại diện ủy quyền của Công ty TNHH MTV Thương mại TD yêu cầu buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD số tiền hàng nợ là **775.151.032** đồng và **348.430.360** đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 28/6/2022 (số tiền lãi chậm thanh toán được tính bằng số tiền hàng là **775.151.032** nhân với số ngày chậm thanh toán từ ngày 01/01/2020 đến hết 28/6/2022 với lãi suất chậm thanh toán là 1,5%/tháng theo thỏa thuận tại Điều IV của Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018). Tổng số tiền yêu cầu là **1.123.581.392 đồng** *(Một tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai đồng)* trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018. Đồng thời tính tiếp lãi suất chậm trả từ ngày 29/6/2022 cho đến trả xong tiền.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến: Qua thực hiện công tác kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đối với vụ án nhận thấy, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ thực hiện đúng, đủ pháp luật về tố tụng; người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền gốc là 775.151.032 đồng là tiền hàng và 348.430.360 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 28/6/2022. Tổng số tiền yêu cầu là **1.123.581.392** đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018. Đồng thời tính tiếp lãi suất chậm trả từ ngày 29/6/2022 cho đến trả xong tiền. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD với bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G về tranh chấp Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ **775.151.032** đồng là tiền hàng và **348.430.360** đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 28/6/2022 (mức lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 01/1/2020 đến 28/6/2022). Mặc khác Công ty Cổ phần Thiết bị nước G cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD yêu cầu Công ty Cổ phần Thiết bị nước G phải thanh toán số tiền nợ gốc là 775.151.032 đồng là tiền hàng và 348.430.360 đồng là tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày 28/6/2022 (mức lãi 1,5%/năm tính từ ngày 01/1/2020 đến 28/6/2022). Tổng số tiền yêu cầu là **1.123.581.392** đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực

pháp luật, đồng thời tính tiếp lãi suất chậm trả từ ngày 29/6/2022 cho đến trả xong tiền.

[2.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện việc mua bán ống nước và phụ kiện nước HDPE PN16 và uPVC và keo nhãn hiệu Đệ Nhất là hợp đồng có hiệu lực pháp. Trong quá trình thực hiện nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD đã thực hiện giao hàng trên thực tế có ký nhận hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng số tiền 1.081.847.413 đồng nhưng bị đơn chỉ trả được 306.696.381 đồng còn nợ lại số tiền hàng 775.151.032 đồng. Phía Công ty Cổ phần Thiết bị nước G có đóng dấu xác nhận công nợ theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 20/12/2019. Cho nên những chứng cứ tại Tòa cho thấy phía nguyên đơn đã giao hàng cho phía bị đơn và bị đơn chưa thanh toán số tiền hàng 775.151.032 đồng trong Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018 cho nguyên đơn.

[2.2] Xét nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD yêu cầu Công ty Cổ phần Thiết bị nước G trả lãi suất nợ quá hạn 348.430.360 đồng (mức lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 01/1/2020 đến 28/6/2022). Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả,* ***trừ trường hợp có thoả thuận khác*** *hoặc pháp luật có quy định khác"*. Tại Điều IV của Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018 "*Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán hoặc thanh toán chưa hết số nợ thì phải chịu lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền trả chậm*."

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận theo lãi chậm thực hiện 1,5%/tháng và ngày chậm trả nợ ngày 01/1/2020 (theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 20/12/2019) tạm tính đến 28/6/2022 số tiền là 348.430.360 đồng như phía nguyên đơn cung cấp bản tính lãi chậm thực hiện.

Như vậy Công ty Cổ phần Thiết bị nước G phải có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Thương mại TD số tiền gốc 775.151.032 đồng và tiền lãi 348.430.360 đồng (tạm tính ngày 28/6/2022), tổng cộng **1.123.581.392** đồng thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời tiếp tục tính lãi từ ngày 29/6/2022 trên số dự nợ gốc thực nợ cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất 1,5%/tháng nên yêu cầu này được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí sơ thẩm kinh doanh, thương mại bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G có giá ngạch 45.707.442 đồng do chấp nhận yêu

cầu nguyên đơn phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền **1.123.581.392** đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 157; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD buộc phía bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G thực hiện trả số tiền gốc là 775.151.032 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 348.430.360 đồng (tạm tính đến ngày 28/6/2022), tổng cộng 1.123.581.392 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi hai đồng) cho Công ty TNHH MTV Thương mại TD trong Hợp đồng nguyên tắc số: TD030/HĐNT/NSG/2018 ngày 27/7/2018. Việc giao trả tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật được thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Lãi chậm trả sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 29/6/2022 trên số dự nợ gốc thực nợ 775.151.032 đồng cho đến khi thực trả hết nợ gốc với mức lãi suất 1,5%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần Thiết bị nước G phải chịu án phí kinh tế thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 45.707.442 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng) tại nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại TD là 21.638.672 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0037423 ngày 14/1/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Thi Hành Án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp …)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hồng